

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-PT

Ngày 06-01-2023

V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất,
tranh chấp về bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hg Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Ông Lê Văn Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Pg là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bh Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bh Định: Bà Đặng Thị Th Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bh Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 313/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bh Định giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang Th, sinh năm 1954; cư trú tại: Thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Th: Chị Nguyễn Thị Phg, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn AS, xã HC, thị xã HN, tỉnh Bh Định là người đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/6/2022); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ah Dg, sinh năm 1981; cư trú tại: Thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1955; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; vắng mặt.

3. Ah Nguyễn Văn Tg, sinh năm 1987; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn AĐ, xã HS, TX.HN, tỉnh Bh Định.

6. Chị Nguyễn Thị Phg, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn AS, xã HC, thị xã HN, tỉnh Bh Định; vắng mặt.

7. Chị Trịnh Thị Hà Pg, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Võ Ngọc Ah, sinh năm 1976; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh Hg, sinh năm 1960; vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Thị Sg, sinh năm 1954; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H., sinh năm 1948; có mặt.

5. Ông Huỳnh Văn Lm, sinh năm 1973; có mặt.

6. Ông Đinh Qn, sinh năm 1964; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn Bh, sinh năm 1972; có mặt.

8. Ông Nguyễn Văn Ct, sinh năm 1967; có mặt.

9. Ông Nguyễn Văn Cn, sinh năm 1969; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Dg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phg trình bày:

Thửa đất số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7, diện tích 1,8 ha tại khu vực HoS thuộc thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định do gia đình ông Th khai hoang. Đến năm 2008, gia đình ông tham gia dự án khôi phục rừng và quản lý rừng bền vững, Dự án kfW6 Việt Đức, trên đất ông trồng cây keo, cây sao. Ngày 25/01/2010, Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) huyện HN đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông tại thửa đất này. Vợ chồng ông tiếp tục quản lý đất và chăm sóc số

cây nói trên, đến năm 2018, khai thác cây keo và trồng lại. Riêng số cây sao đã 10 năm tuổi chưa đến kỳ khai thác nên tiếp tục chăm sóc. Vào khoảng giữa tháng 8/2018 ông Dg đến chặt khoảng 700 cây sao 10 năm tuổi và khoảng 200 cây tự nhiên trên diện tích theo đo đạc của địa chính xã khoảng 4757m² nên phát sinh tranh chấp đất giữa ông với ông Dg. Việc làm của ông Dg đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, ngày 19/8/2018 ông làm đơn yêu cầu UBND xã HS hòa giải, yêu cầu ông Dg phải trả diện tích đất và bồi thường cây đã chặt. Ngày 11/10/2018, UBND xã HS tổ chức hòa giải nhưng không thành. Đến ngày 08/12/2018, khi ông lên thăm rẫy thì phát hiện 180 cây keo bị nhổ đã khô (loại cây keo con mới trồng có giá 900 đồng/cây). Sau khi hỏi thông tin thì biết được cây này do ông Dg nhổ. Đến ngày 24/02/2019, ông đi thăm rẫy thì gặp bà Pg là vợ của ông Dg, sau khi bà Pg thừa nhận 180 cây keo ở trên là do chính ông Dg nhổ thì tiếp tục nhổ hơn 10 cây nữa. Tổng số cây bị nhổ khoảng 190 cây keo, trị giá ước tính là 320.000 đồng.

Ông Th yêu cầu ông Dg:

- Trả phần đất đã lấn chiếm theo đo đạc định giá có diện tích 4959,6 m² thuộc thửa đất số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7 tại khu vực HoS, thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bk Định.

- Bồi thường số cây sao, cây tự nhiên ông Dg đã chặt phá với số tiền 80.000.000 đồng.

- Bồi thường 180 cây keo ông Dg đã nhổ với số tiền 320.000 đồng.

Ông Th xác định diện tích của thửa đất số 30 như đã chỉ dẫn đo đạc định giá, không yêu cầu định giá lại. Không yêu cầu bà Pg phải bồi thường 10 cây keo đã nhổ. Các ụ đá mà ông Dg cho rằng là mốc giới đất không phải do ông H. bà Sg và ông Dg tạo nên như ông Dg khai, các ụ đá này do ông tạo nên không phải là mốc giới phân định đất. Ông không chấp nhận các ý kiến trình bày của ông Dg về nguồn gốc đất có tranh chấp.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Dg trình bày:

Diện tích đất mà ông Th có tranh chấp thuộc thửa đất số 30 khoảnh 3 tiểu khu 7 có nguồn gốc do vợ chồng anh chị họ của ông là bà Huỳnh Thị Sg ông Nguyễn Văn H. khai hoang canh tác từ trước. Đến khoảng năm 1996 thì cho ông canh tác sử dụng. Sau khi được cho đất, ông trồng điều, khi điều không có hiệu quả kinh tế ông đã chặt bỏ nhưng vẫn còn gốc, hiện nay do cây tạp bao phủ nên ông không xác định được vị trí gốc cây điều do ông trồng trước đây. Ông không có giấy tờ đất nhưng toàn bộ khu vực đất này trước đây không ai có giấy tờ cả. Khi ông H. bà Sg sử dụng có cùng ông Th làm các mốc giới đất bằng đá, sau này ông cũng làm thêm một số mốc đá nữa như đã chỉ dẫn Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ. Vào thời gian nào ông không nhớ rõ, có

đoàn đo đạc 203 của Nhà nước về đo đất rừng và ông đã chỉ dẫn đo diện tích đất tranh chấp cho ông nhưng đến nay không thấy cấp giấy tờ gì cho ông. Ông Th tham gia dự án trồng rừng Việt Đức và tự ý đo toàn bộ các thửa đất của nhiều người trong đó có diện tích đất của ông thành của ông Th. Diện tích đất có tranh chấp là của ông từ trước khi ông Th tham gia dự án trồng rừng Việt Đức nên ông không lấn chiếm đất của ông Th.

Ông Th cho rằng, ông chặt 700 cây sao và 200 cây tự nhiên và nhổ thêm 180 cây keo mới trồng trên đất của ông Th là không đúng sự thật vì trên diện tích tranh chấp không có cây sao và ông cũng không chặt cây sao của ông Th. Cây tự nhiên có trên đất là đúng nhưng ông Th đã phát chồi lúc nào ông không biết, khi ông lên kiểm tra thì chỉ còn lại cây tự nhiên đủ cỡ đường kính từ 5cm đến khoảng 20cm. Các cây tự nhiên này trên đất của ông nên đã chặt dọn để trồng cây keo. Vì ông Th trồng cây keo trên đất của ông đang có tranh chấp nên ông có nhổ khoảng 40-50 cây keo con mới trồng có giá khoảng 500 đồng/cây.

Ông không chấp nhận yêu cầu đòi đất và yêu cầu bồi thường cây của ông Th. Số cây keo ông đã nhổ là do ông Th trồng trên phần đất đang tranh chấp và UBND xã HS đã không cho trồng, ông không sai. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Th và công nhận diện tích đất mà ông Th tranh chấp là của ông. Ông không yêu cầu định giá lại tài sản có tranh chấp.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Phạm Thị C, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Tg, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Phg trình bày: Thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Quang Th, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- Chị Trịnh Thị Hà Pg trình bày: Diện tích đất có tranh chấp tại thửa đất số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7 khu vực HoS xã HS có nguồn gốc của vợ chồng bà Sg cho chồng chị là ông Dg canh tác. Hiện vợ chồng chị đang quản lý, sử dụng. Khi chị đi làm rẫy thì ông Th phát chồi sang phần đất của vợ chồng chị nên chị không cho nhưng ông Th vẫn làm. Chị có nhổ một cây keo mọc tự nhiên trên phần đất của mình chứ không nhổ cây trên rẫy của ông Th. Chị không đồng ý với yêu cầu của ông Th.

Tại biên bản lời khai người làm chứng trình bày:

- Ông Ah, ông Hg trình bày: Khoảng tháng 02/2019, hai ông phát chồi thuê cho ông Th. Khoảng 10 giờ trưa, bà Pg là vợ ông Dg có lên chỗ hai ông làm, trên tay có cầm một số cây keo con. Hai ông không thấy bà Phg nhổ cây và không biết gì khác.

- Ông H., bà Sg trình bày: Đất có tranh chấp trước đây là rừng hoang, khoảng năm 1985 vợ chồng ông bà khai hoang làm kinh tế. Sau này ông bà đã cho phần đất này cho ông Dg. Ông bà khai hoang đất rừng nhưng không đăng ký và cũng chưa

được cấp giấy chứng nhận. Ông Th tự ý kê khai phần đất ông bà đã cho ông Dg để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phải trả đất lại cho ông Dg.

- Ông Còn trình bày: Khoảng năm 2008, có đoàn 203 về đo đạc đất rừng, khi đó ông là thôn phó nên có thông báo cho nhân dân ai có đất rừng thì dẫn đoàn đi đo và người dân tự dẫn đi chứ ông không tham gia. Ông không biết ông Dg có dẫn đoàn đi đo đất hay không và cũng không biết về nguồn gốc đất mà ông Th và ông Dg có tranh chấp.

- Ông Ct, ông Bh, ông Qn, ông Lm trình bày: Nguồn gốc đất có tranh chấp là của vợ chồng ông H., bà Sg khai hoang trước đây, sau đó giao cho ông Dg trồng điều. Khi điều không có hiệu quả kinh tế, ông Dg bỏ điều chuyển qua trồng cây keo.

Bản án dân sự sơ thẩm số 313/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Bh Định quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang Th.

1.1. Buộc ông Dg phải trả cho hộ gia đình ông Nguyễn Quang Th (gồm các nhân khẩu ông Nguyễn Quang Th, bà Phạm Thị C, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Tg, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Phg) phần đất diện tích 4959,6m² thuộc thửa đất số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7, khu vực HoS, thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định, có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 30 dài 21,62m + 30,64m và giáp đất rừng dài 21,24m;

- Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 30 dài 15,92m + 10,74m + 9,25m + 5,14m + 14,86m + 6,83m + 15,47m + 18,70m + 5,85m + 3,66m;

- Nam giáp đất rừng dài 8,45m + 11,57m + 12,73m + 13,74m + 7,31m;

- Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 30 dài 25,25m và giáp đất rừng dài 9,05m + 5,22m + 9,67m + 5,03m.

(Có sơ đồ kèm theo)

1.2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của ông Nguyễn Quang Th, đối với yêu cầu ông Dg phải bồi thường số tiền 80.000.000 đồng và 320.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các bên đương sự và quyền nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, bị đơn anh Dg kháng cáo yêu cầu không chấp nhận trả đất cho ông Th.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bh Định phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của

pháp luật tố tụng; Đề nghị: Căn cứ khoản khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của anh Dg. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 313/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Bh Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn anh Dg không chấp trả đất cho hộ ông Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Ah Dg, chị Th và vợ chồng bà Huỳnh Thị Sg, ông Nguyễn Văn H. nài nguồn gốc 4959,6m² đất rừng đang tranh chấp tại khu vực HoS, thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định của vợ chồng bà Sg, ông H. khai hoang. Năm 1996 vợ chồng bà Sg, ông H. cho miệng anh Dg diện tích đất này. Từ năm 1996, anh Dg trồng Điều trên đất nhưng Điều không phát triển nên anh phá bỏ. Đến năm 2003 anh trồng keo nhưng keo chết. Năm 2018 anh phát trọc. Tuy nhiên, anh Dg không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quá trình sử dụng đất. Từ trước và đến khi thực hiện Dự án KfW6 Việt Đức, bà Sg, ông H., anh Dg không đăng ký, kê khai, không có đơn xin nhận đất lâm nghiệp tại diện tích đất này. Ngày 30.8.2022, cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vị trí đất tranh chấp nhưng anh Dg không xác định được vị trí các gốc điều trồng trước đây và các ụ đá anh Dg chỉ dẫn không được ông Th thừa nhận là mốc giới đất. Ah Dg nài năm 2003 có đo đạc phần diện tích đất tranh chấp nhưng Ủy ban nhân dân xã HS xác nhận việc đo đạc là để phục vụ công tác quản lý chứ không phải để cấp đất cho người dân.

[1.2] Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HS: Trước khi thực hiện khôi phục rừng và quản lý rừng bền vững thuộc Dự án KfW6 Việt Đức thì thửa đất số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7 tại khu vực HoS, thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã HS, không có cá nhân, hộ gia đình nào trực tiếp canh tác, sử dụng. Năm 2007, Nhà nước có chủ trương đo đạc tổng thể đất rừng tại khu vực HoS thôn AĐ, xã HS để phục vụ công tác quản lý chứ không phải để cấp cho người dân. Thời điểm này đất rừng tại khu vực HoS bao gồm cả phần đất các bên có tranh chấp đã được qui hoạch Dự án KfW6 Việt Đức.

[1.3] Khi thực hiện chương trình dự án khôi phục rừng và quản lý rừng bền vững Dự án KfW6 Việt Đức, xã đã có thông báo rộng rãi để người dân đăng ký, kê khai. Ngày 25/12/2008, ông Th có đơn xin nhận đất lâm nghiệp tại lô số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7, diện tích 1,8ha (bao gồm cả phần đất có tranh chấp) và được Ủy ban nhân dân xã HS xác nhận ngày 04/01/2010. Ngày 25/01/2010, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) HN đã ban hành Quyết định số 354/QĐ-UBND giao quyền sử dụng thửa đất này cho hộ ông Th để sử dụng vào mục đích trồng mới 1,8ha thuộc Dự án KfW6 Việt Đức. Và hộ ông Th đã được UBND thị xã HN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00074 ngày 25/01/2010 thửa đất số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7 diện tích 1,8ha đất

rừng tại khu vực HoS, thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định. Hộ ông Th đã sử dụng đất, trồng keo và cây sao trên phần diện tích đất tranh chấp. Năm 2018 gia đình ông khai thác keo và trồng lại keo mới. Riêng số cây sao đã 10 năm tuổi chưa đến kỳ khai thác nên tiếp tục chăm sóc.

[1.4] Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30.8.2022, diện tích 4959,6m² đất rừng đang tranh chấp thuộc thửa đất số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7, khu vực HoS, thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định đã được Ủy ban nhân dân huyện thị xã HN cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Th. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc anh Dg trả lại cho hộ ông Th 4959,6m² đất rừng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Dg.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh Dg không được chấp nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí ông Dg phải chịu 300.000đ.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bh Định đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Dg, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 164, 166, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 12, 26, 166, 170 của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Dg. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 313/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân TX.HN, tỉnh Bh Định.

1. Buộc anh Dg trả cho hộ gia đình ông Nguyễn Quang Th diện tích 4959,6m² thuộc thửa đất số 30, khoảnh 3, tiểu khu 7, khu vực HoS, thôn AĐ, xã HS, thị xã HN, tỉnh Bh Định. Kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 30 dài 21,62m + 30,64m và giáp đất rừng dài 21,24m;

Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 30 dài 15,92m + 10,74m + 9,25m + 5,14m + 14,86m + 6,83m + 15,47m + 18,70m + 5,85m + 3,66m;

Nam giáp đất rừng dài 8,45m + 11,57m + 12,73m + 13,74m + 7,31m;

Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 30 dài 25,25m và giáp đất rừng dài 9,05m + 5,22m + 9,67m + 5,03m.

2. Về án phí DS-PT: Ah Dg phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000097 ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự TX.HN.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bh Định;
- TAND TX. HN;
- CCTHADS TX.HN;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hg Thu

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Xuân H.

Nguyễn Th Tuấn

Võ Thị Hg Thu

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bh Định.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hg Thu

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân H.

Ông Nguyễn Th Tuấn

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số: 24/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu, sinh năm: 1992. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân An, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, Bh Định.

- Bị đơn: Ah Lê Th Việt, sinh năm: 1989. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân An, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, Bh Định.

Người kháng cáo: Ah Lê Th Việt là bị đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3

1. Chị Nguyễn Thị Diệu được ly hôn anh Lê Th Việt.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về án phí: Ah Lê Th Việt phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011509 ngày 15/6/ 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

Kết quả biểu quyết 3/3

3. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kết quả biểu quyết 3/3

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân H.

Nguyễn Th Tuấn

Võ Thị Hg Thu